

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM VÀ CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN NHO GIÁO CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN Ở ĐÀNG TRONG (THẾ KỶ XVII - XVIII)

THS. NCS. LÊ BÁ VƯƠNG

Đại học Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh

1. Nhận thức về Nho giáo trên phương diện một học thuyết chính trị – xã hội, đạo đức

Về mặt Hán tự, chữ Nho - 儒, gồm chữ “人” (người) và chữ “需” (nhu cầu) ghép lại nhằm biểu ý rằng đây là người cần cho thiên hạ, cần cho quốc gia. Nội dung căn bản của Nho giáo được truyền tải qua Ngũ kinh (Dịch, Lễ, Thi, Thư, Xuân Thu) và Tứ thư (Đại Học, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung).

Về mặt nhân sinh quan, Nho giáo khuyến khích kẻ sĩ phấn đấu “nhập thế” phục vụ cho chế độ phong kiến. Những người học Nho đều biết cái thang tám bậc (Cách vật – Trí tri – Chính tâm – Thành ý – Tu thân – Tề gia – Trị quốc – Bình thiên hạ), muốn làm và sẽ làm “sáng tỏ đức sáng trong thiên hạ”¹ để trở thành người quân tử. Năm bậc đầu giúp quá trình tự bản thân mình vận động. Ba bậc sau là những bước “tỏa đức sáng” ra ngoại vi bản thân, trước hết là nhà, sau đến nước và cuối cùng đến thiên hạ. Trong tám bước đó, tu thân là gốc. Nếu tu thân tốt thì “tú tài bất xuất môn - năng trị thiên hạ sự”, người quân tử không cần ra khỏi nhà mà vẫn giáo dục tốt dân một nước, mọi người trong gia đình cũng được yên ổn, hòa thuận là cái gốc cho đất nước ổn định và thiên hạ được thái bình. Sau khi tu thân, người quân tử phải hành đạo, tức phải làm chính trị, lưu danh cùng sông núi. Nội dung của việc này được công thức hóa thành “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, tức phải hoàn thành từ những việc nhỏ, trước tiên ở gia đình, cho đến việc lớn như trị quốc và đạt đến bậc cuối cùng là bình thiên hạ (thống nhất thiên hạ). Chỉ người nào “thuận thiên thừa vận” được làm Thiên tử mới có thể vươn được hết tám bậc đó.

Mẫu người lí tưởng trong xã hội quân chủ xưa còn được gọi là Quân tử. “Quân tử” chỉ

tầng lớp trên trong xã hội để phân biệt với “Tiểu nhân”, những người thấp kém về địa vị xã hội. “Quân tử” được hiểu theo ý nghĩa là bề trên được đông đảo mọi người hướng vào. Ngược lại, “Tiểu nhân” là người nhỏ yếu, không có tư cách, khả năng làm nên nghiệp. Điều này không khó lí giải bởi đối tượng mà Nho giáo hướng đến trước tiên là những người cầm quyền. “Quân tử” ban đầu có nghĩa là người cai trị, người có đạo đức và biết Ngũ kinh, Tứ thư. Từ là thầy, là người có đạo đức Luân Thường, học thức có thể dạy người khác. “Có người cho rằng, quân tử là hai từ xưng hô tôn trọng lễ phép ghép lại (nài + thầy). Nhưng ý nghĩa rõ ràng được chấp nhận phổ biến là người có đạo đức tài trí có thể vươn lên xứng đáng làm vua của nước, làm thầy của dân, hoặc nói một cách khác là người có thể trị nước dạy dân”². Tuy nhiên, sau này “Quân tử” còn dùng để chỉ những người có đạo đức mà không nhất thiết phải có quyền. Ngược lại, những người có quyền mà không có đạo đức Nho giáo cũng được gọi là “Tiểu nhân”. Để tổ chức xã hội có hiệu quả, Nho giáo mặc định lớp Nho sĩ – quân tử là người cai trị (trên thực tế chỉ có một người là Quân – Vua – Thiên tử mới có quyền cai trị, những Nho sĩ còn lại thực chất làm công cụ cho người cai trị duy nhất đó), “Quân” chỉ người tuân theo “mệnh Trời” làm đế vương.

Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của người quân tử theo Nho giáo gồm Nhân trị và Chính danh. “Nhân” là tình người, nhân trị là cai trị bằng tình người, yêu người. “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Nhân được coi là điều cao nhất của luân lý, đạo đức. Khổng Tử nói: “Người không có nhân thì lễ mà làm gì? Người không có nhân thì nhạc mà làm gì?”³ Nho giáo không thiên về

hình pháp. Nho giáo đặc biệt định hướng cho con người biết trọng tình nghĩa, thiên về đạo đức, coi đạo đức là một sức mạnh vũ khí, coi lòng tốt của con người là có thể cảm hóa được tất cả, chế ngự được cái xấu và cái ác, phát triển tinh thiện ở bản thân. Mọi người phải chính danh: “*Danh không chính thì lời không thuận, lời không thuận tất việc không thành*”⁴. Khổng Tử nói: “*Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*”⁵ (Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con). Đã là một người quân tử thì “*bản tiện bất năng di, phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất*”, luôn phải tuân theo lễ giáo. Khổng Tử đề ra thuyết Chính Danh định hướng cho mỗi người sống theo đúng phận vị, làm đúng vai trò của mình, mong muốn ổn định trật tự xã hội trên cơ sở tuân hành 3 đức lớn: Hiếu, Đễ và Từ.

Mục tiêu của Nho giáo được tóm gọn lại trong chín chữ “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Chín chữ này về sau được giai cấp thống trị thực hiện mục đích cai trị cho chế độ quân chủ chuyên chế. Nó trở thành nền tảng cho người ta xây dựng một xã hội thống nhất và ổn định theo Cương, Thương, Luân lí. Đó chính là những nội dung tư tưởng cơ bản của Nho giáo.

Là một học thuyết tư tưởng về chính trị – xã hội và đạo đức, ưu điểm lớn nhất của Nho giáo nằm ở nội dung tu dưỡng đạo đức cá nhân và giúp nhà cầm quyền xây dựng thiết chế xã hội theo Luân, Thương, đạo lí. Ở Đàng Trong thế kỷ XVI - XVIII, các chúa Nguyễn rất coi trọng và sớm tiếp thu Nho giáo trên phương diện này. Ngay trong lời trần trối với con cháu, Nguyễn Hoàng đã nhấn mạnh và mong muốn hậu thế của ông phải chú trọng thực hành theo những chuẩn mực đạo đức của Nho giáo, coi đó là cơ sở tồn tại của nghiệp chúa của họ Nguyễn ở Đàng Trong: “*Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, anh em trước hết phải thân yêu nhau... cho đó là kế rễ sâu gốc bền để xây dựng cơ nghiệp muôn đời*”⁶. Quan điểm này được chúa nói nghiệp trung thành thực hiện. Năm 1620, khi giải thích việc xử lí hai người anh em của mình làm phản là Hiệp và Trạch, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã dùng đạo lí của Nho giáo: “*Anh em sao nỡ trái*

bỏ luân thường?”⁷ Trường hợp chúa Nguyễn Phúc Chu, mặc dù rất xiển dương (mở rộng, làm cho sáng tỏ) Phật và Lão, song ông cũng đề cao vai trò Nho giáo. Chúa Nguyễn Phúc Chu rất tâm đắc với quan điểm của thiền sư người Trung Quốc Thích Đại Sán khi luận bàn về Nho giáo: “*Khổng thánh là đấng “Vạn Thế sư biểu”, Tứ Thư, Ngũ Kinh chép đủ phương pháp trị – thế tu thân; chúng ta phải ráng sức làm theo, xử sự mới có thể hợp lý. Nay nhà vua dựng nhà quốc học, tôn thờ Khổng Tử, tàng trữ sách nho; mời các nhà lý học dành Nho ra làm thầy để giảng minh đạo thánh. Từ Vương thế tử, con em các đại thần, cho đến nhân dân tuân tui đều cho vào học; rồi bày cách thi hạch, để phân biệt hơn thua; hung đúc lâu ngày, tự nhiên mọi người biết hiếu cương thường luân lý; trị đạo đại chính, dần dần trở nên một nước văn minh*”⁸. Qua lời nhận xét và ghi nhận công lao người thầy của chúa Minh Vương cho chúng ta thấy rõ sự quan tâm đối với Nho giáo, đặc biệt trên khía cạnh chính trị – đạo đức: “*sau những lúc giảng luận thiên kinh, còn chỉ vẽ luân thường cương kỷ ..., Thiên sư giúp cho quả nhân trong việc chính trị nhiều biết chừng nào*”⁹. Thực tế, tất cả các chúa Nguyễn đều lấy Nho giáo làm chuẩn mực để rèn luyện đạo đức bản thân, đồng thời dùng Nho giáo làm công cụ xây dựng thiết chế chính trị – xã hội Đàng Trong. Bên cạnh đó, quan niệm “*úy thiên sự đại*” (sợ trời và thờ phụng nước lớn) của Nho giáo cũng được các chúa Nguyễn tuân theo một cách trung thành. Dù đã tại vị, xưng chúa, nhưng những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong vẫn nghĩ đến việc xin “*sách phong*” của nhà Thanh để yên tâm, coi như đã “*Phụng Thiên thừa vận*”. Tư tưởng “*trọng vương khinh bá*” của Nho giáo cũng định vị cho đường lối phát triển quốc gia của chính quyền Đàng Trong đối với các quốc gia khác.

2. Các chúa Nguyễn quan niệm và tiếp cận Nho giáo trên khía cạnh tôn giáo

Trong số các cuốn sách Khổng Tử và lớp lớp học trò của Khổng Tử dùng làm kinh điển để dạy và học, Kinh Dịch là quan trọng nhất. Khổng Tử đọc Kinh Dịch kĩ đến nổi ba lần đứt

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

lễ mà cũng chưa cho là đã thấu đáo. Nguồn gốc thế giới quan, nhân sinh quan của Nho giáo được thể hiện chủ yếu qua Kinh Dịch.

Về thế giới quan, Nho giáo trở thành một học thuyết chính trị – xã hội, đạo đức mang tính tôn giáo. Ở Nho giáo có sự hỗn tạp giữa yếu tố duy tâm khách quan lẫn chủ quan và một số điểm duy vật. Nhà nghiên cứu Phan Ngọc nhận định: *“Nho giáo là học thuyết đầu tiên đặt con người giữa những con người và chỉ giữa những con người, tách khỏi vũ trụ cũng như tách khỏi thần linh, linh hồn, cuộc sống kiếp sau và tìm thấy ở trách nhiệm giữa tôi với những người khác ý nghĩa cuộc sống, giá trị và hạnh phúc của tôi. Ông là người nói với con người các chân lý bất tử: sống và chịu trách nhiệm. Vô số người mặt sát ông là duy tâm vì nói đến mệnh trời, thờ cúng thần linh, chôn cất người chết. Nhưng quyển Luận ngữ, tài liệu đáng tin cậy nhất để hiểu Khổng Tử lại cho ta thấy ông là người bất khả tri. Ông chỉ nói đến cái thế giới của các hiện tượng mà giác quan tiếp nhận được, chủ yếu là các quan hệ xã hội. Ông không phủ nhận thần thánh nhưng chủ trương kính trọng, đồng thời cách xa nó, không tin vào tác dụng của nó”*¹⁰.

Bên cạnh mặt chính trị – đạo đức, nội dung chính của tư tưởng Nho giáo chủ yếu nhằm khẳng định cho cái trật tự xã hội mà trong đó “Thiên tử” sẽ thay trời “hành hóa” trị dân: *“người lao tâm thì trị người, người lao lực thì ở người (tức là được người trị cho), trị ở người thì nuôi người ăn, trị thì ăn ở người”*¹¹. Vua có quyền tuyệt đối trong thiên hạ và được thần thánh hóa. “Trời” giáng mệnh làm vua cho kẻ nào có “Đạo”, tức là nắm được đạo trời, biết sợ mệnh trời. Ai phạm đến vua tức phạm thượng, là đụng đến “Trời”. Thiên Bát vật của sách Luận ngữ viết: *“Mắc tội với Trời, không cầu cúng vào đâu được”*¹². Nho giáo quan niệm “Trời” và “Người” cảm thông với nhau, vốn là nhất thể. Không hiểu đạo trời, mệnh trời sẽ làm trái đi cái tự nhiên tất dẫn tới những mất mát, tai họa. Chỉ tuân theo đúng đạo trời, mệnh trời mới có thể thành công và hạnh phúc. Vận dụng vào đời sống xã hội, theo Nho giáo, tận hiếu với cha mẹ, tổ tiên, tận trung với vua được

coi là tuân theo mệnh trời, thành kính với trời. Ngược lại, bất hiếu với cha mẹ, tổ tiên, bất trung với vua không những sẽ là người có tội với cha mẹ, tổ tiên, với vua mà còn với trời nữa. *“Thiên nhân tương dữ”*, có những lúc có người cảm thấy mình bị *“Trời bất tội”*, phải cầu xin Trời tha thứ. Sự kết hợp vương quyền và thần quyền trong tư tưởng Nho giáo rất có tác dụng cai trị người dân Việt nói chung, người Đảng Trong nói riêng vốn tôn trọng “Trời”. Tính chất tôn giáo của đạo Nho thể hiện rõ nhất trên khía cạnh này. Bên cạnh đó, đạo Nho được coi như một tôn giáo thông qua các nghi lễ mang tính tôn giáo tại hệ thống Văn miếu, Văn chỉ, trong đó Khổng Tử được tôn làm Thánh, Ngũ kinh và Tứ thư được dùng làm kinh sách.

Nho giáo được các chúa Nguyễn tiếp cận ở phương diện tôn giáo và tiếp thu trên tinh thần Tam giáo đồng nguyên. Mặc dù là những người sùng Phật giáo và Đạo giáo, có pháp danh, đạo hiệu, nhưng sự nghiệp của các chúa Nguyễn vẫn gắn liền với những Nho giáo. Văn Miếu được dựng lên khá sớm ở Đảng Trong. Từ những phương danh, khẩu hiệu, niên hiệu “quốc chúa” hay “quốc chủ”, ngự đề, ngự chế... ở các ngôi chùa được ban “sắc tứ” (sắc trong sắc chỉ) đều thể hiện rất rõ điều đó. Tinh thần viên dung Nho giáo vào Lão – Phật rất mạnh mẽ. Trong bài minh khắc trên bia chùa Thiên Mụ năm 1714 thể hiện cơ bản tư tưởng trị quốc của Nguyễn Phúc Chu nói riêng và các chúa Nguyễn nói chung theo thiên hướng ấy: *“Ôm tính thiện để làm tông, lấy lòng lành mà xử sự. Cư Nho, mộ Thích, chính trị chẳng thể không làm nhân. Tin Đạo, trọng tăng, góp nhân quả mà nghĩ đều trông phúc. Đất nước phải thái bình, thân tâm an lạc”*¹³. Tinh thần viên dung Tam giáo được chính quyền Đảng Trong nỗ lực xây dựng và duy trì hơn hai thế kỉ sẽ đưa đến mô hình kiến quốc theo cấu trúc “đất vua – chùa làng – phong cảnh Bụt”. Một người phương Tây khi đến Đảng Trong khoảng năm 1749 đã phản ánh hành động mang tính tôn giáo ở phủ Chúa: *“Vua xứ Đảng Trong tượng tượng ngài là vị vua giàu có và vĩ đại nhất thế giới. Ngài mang tướng hiệu Vouha Tellhoye (Vua Trời), có nghĩa là vua của trời, và ngài có những ngôi chùa mà*

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

ngài được thờ trong đó. Quan lại và thần dân của ngài giơ tay lên trời trong khi lẩm nhẩm tên ngài và gọi ngài bằng những từ siêu phàm”¹⁴.

Mặt khác, các chúa Nguyễn hiểu hơn ai hết, vùng đất phương Nam trong lịch sử đã tồn tại mô hình nhà nước có sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền rất chặt chẽ: Vua được đồng nhất với Thần. Trong mô hình Vua – Thần (ảnh hưởng văn minh Ấn Độ) ở Champa và Chân Lạp, Thần và Vua được hợp nhất sau khi đã trải qua nghi lễ huyền bí và linh thiêng, cũng là người được chọn nhưng là sự chọn lựa vừa mạnh tính mặc nhiên vừa có điều kiện. Mô hình nhà nước theo Nho giáo cũng có những điểm tương đồng bởi đạo Nho luôn quan niệm “Thiên nhân hợp ứng”, Hoàng đế – Thiên tử là người chịu mệnh Trời, nghĩa là người được chọn để “Thế Thiên hành hóa”. Khai thác và vận dụng khía cạnh tôn giáo của Nho giáo bằng cách “thiên hóa” bản thân tạo nên mô thức chính trị và tôn giáo hợp làm một, các chúa Nguyễn dễ dàng giải quyết được xung đột đối với người Champa cũng như Chân Lạp trên bước đường biến nhà thành nước, dễ dàng trị được quốc, bình được thiên hạ.

3. Chủ trương phát triển Nho giáo của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong

Trước hết, các chúa Nguyễn chủ trương phát triển Nho giáo nhằm thực hiện mục tiêu lấy Nho giáo làm nền tảng tư tưởng xây dựng thiết chế quân chủ tập quyền ở Đàng Trong theo hướng đức trị.

Bài học từ quá khứ cho thấy, ngồi trên lưng ngựa lấy được thiên hạ đã khó, ngồi trên ngai vàng để trị nước, bình thiên hạ lại càng khó khăn gấp bội. Gươm sắc, giáo nhọn không đủ để thu phục nhân tâm, ổn định và phát triển xã hội. Lịch sử dân tộc đã từng ghi lại những cuộc khởi nghĩa anh dũng của ông cha thắng lợi nhanh chóng nhưng sau đó bị đàn áp (chẳng hạn khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi Nghĩa Phùng Hưng), những vương triều không duy trì được lâu dài (chẳng hạn triều đại Lý Nam Đế, triều Ngô – Đinh – Tiền Lê) hoặc không đủ khả năng tuyên bố độc lập (như họ Khúc). Thất bại ở đây không phải là thất bại của cuộc khởi nghĩa mà là thất bại của chế độ chính trị. Nói cách khác,

đó là thiếu một mô hình thiết chế phù hợp để có thể đáp ứng được nhu cầu bảo vệ nền độc lập, phát triển quốc gia đồng thời đủ khả năng chống lại xâm lược. Giai đoạn đầu dựng nghiệp chúa ở vùng đất Ái Tử, Chúa Tiên có phần bối rối trước việc cư dân bản địa mang 07 chum nước vẫy mừng tân Trấn thủ. Nhưng dựa theo lý luận Nho giáo của Nguyễn U Ty, tất cả đã được hóa giải: “Đây là Phúc Trời cho đó. Việc trời tất có hình tượng. Nay chúa thượng mới đến mà dân đem NƯỚC dâng lên, có lẽ là điềm được NƯỚC đó chăng”¹⁵. Đây đồng thời là một gợi ý quan trọng giúp Nguyễn Hoàng xác định đường lối phát triển Đàng Trong ở giai đoạn tiếp theo, trong đó lấy Nho giáo làm nền tảng trong việc tạo dựng thiết chế mới.

Nhu cầu lúc này là toàn thể dân Đàng Trong phải hành động theo đúng mệnh của người chủ trên vùng đất mới, họ phải bảo vệ chúa Nguyễn, tôn sùng chúa Nguyễn vì họ Nguyễn đang tuyên thệ bảo hộ cho mọi người dân phía Nam sông Gianh. Trong tình thế này, nếu chủ trương phát triển Nho giáo sẽ rất có lợi trong việc tổ chức trật tự, tôn ti, khép chặt thần dân vào các khâu trong mạng lưới xã hội dưới quyền thống trị của họ Nguyễn. Thực tế, từ khi vào trấn thủ Thuận Hóa chúa Nguyễn Hoàng đã chủ trương phát triển Nho giáo nhằm làm nền tảng để xây dựng một chính quyền thế tục hoàn chỉnh tạo nên “đôi trọng” với Đàng Ngoài. Khi chưa đủ sức mạnh để công khai phủ nhận chính quyền trung ương, họ Nguyễn ở Thuận Hóa khẳng định vương quyền bằng một lý luận “trung quân” theo Nho giáo với khẩu hiệu chính trị “phù Lê diệt Trịnh”. Như vậy, các chúa Nguyễn chủ trương lấy Nho giáo làm chuẩn mực cả về tri thức lẫn cách thức để lựa chọn phương sách đối phó cũng như thái độ ứng xử trước những tình huống chính trị này sinh trong quá trình tranh bá đồ vương. Mặt khác, dù hướng tới việc li khai chính quyền trung ương, nhưng chính quyền Đàng Trong giai đoạn đầu vẫn phải hoạt động trong khuôn khổ cơ cấu chính trị – xã hội, tư tưởng truyền thống. Chính điều này dẫn đến việc các chúa Nguyễn đã chọn Nho giáo làm phương tiện để thu phục nhân tâm và tạo một mô thức để tổ chức thiết chế xã hội.

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Trong hoạt động bang giao, các chúa Nguyễn luôn muốn thể hiện cho các quốc gia lân bang rằng, Đàng Trong là đất chuộng Nho, chủ trương lấy đạo đức Nho giáo làm chuẩn mực văn minh. Một bức thư gửi tới phủ chúa Nguyễn năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755) của vua Xiêm La đã cho chúng ta biết điều này: “... Xiêm chúng tôi tuy tin theo Phật giáo, nhưng vẫn biết nghĩ đến đức tốt của các vua Nghiêu Thuấn của Thiên triều. Chỉ mong nước An Nam là nước lễ nghĩa, chung một lòng nhân, bỏ cái bụng cuốn chiếu thôn tính, để cho hai nước gần gũi vui hòa, cùng hưởng thái bình, bốn phương không xảy ra tai nạn, tự có đức lớn để chịu mệnh”¹⁶. Trong thư trả lời, chúa Nguyễn Phúc Khoát thể hiện rất rõ chủ trương và mục tiêu phát triển Nho giáo của chính quyền Đàng Trong: “... Nước chúng tôi học tập Khổng Mạnh, há không giao thiệp với láng giềng không có đạo và lấy nghĩa làm lợi sao?... Hai nước lấy tin nghĩa giao kết với nhau đã từ lâu, giả sử kẻ sai nhân thấy lợi mà làm sai thì đó là việc nhỏ thôi, có lẽ nào vì có nhỏ tổn bạc mà bỏ nghĩa lớn bền như vàng”¹⁷.

Cách đặt tên cho những vùng lãnh thổ ở Đàng Trong với các thành tố như Bình, Trị, Đức, Nam, Nghĩa, Gia Định, Long Hồ,... phần nào cũng thể hiện rõ chủ trương dùng Nho giáo làm hệ tư tưởng xây dựng thiết chế chính trị – xã hội của các chúa Nguyễn.

Mục tiêu xây dựng một chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh, một Đàng Trong ổn định, độc lập phải đề cao tư tưởng tuyệt đối trung quân và tôn quân. Đồng thời, tôn quân gắn liền với chế độ truyền tử, mà chế độ này gắn liền với việc đề cao gia đình phụ quyền – quyền huynh thế phụ. Trên phương diện này buộc phải có một lực lượng duy trì sự tồn tại cho chế độ đó: lực lượng kẻ sĩ – nhà Nho. “Kẻ sĩ ra làm quan hành chính, có phải chỉ ung dung ở chốn miếu đường, bàn bạc văn nhã và tỏ ra đức vọng thôi đâu. Có khi phải tuần xét biên giới mà chịu trách nhiệm một phương thì cũng phải nghĩ làm sao để vỗ về binh nông, dấy lợi trừ hại, tuyên bố giáo điều, dời đổi phong tục, hết khả năng tâm lực mà làm đến chức phận nên làm, để thỏa lòng bề trên, ban ơn dân chúng”¹⁸.

Năm 1659, Chu Hữu Tài dâng phủ Chúa Địch sách khu cơ tam điều (3 điều then chốt để phá địch), trong đó nhấn mạnh vai trò của Nho giáo: “*Về học nghiệp khoa cử xin theo chế độ ngày xưa, mở các khoa thi Hương và thi sách (tức thi hội) để thu dùng người có tài văn học*”¹⁹. Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần rất hài lòng và cho thực hiện theo chính sách này. Rõ ràng, các chúa Nguyễn chủ trương dùng Nho giáo nhằm xây dựng một chế độ xã hội. Thời bấy giờ ở Việt Nam chỉ có mô hình xã hội này xem ra là tối ưu. Các chúa Nguyễn nhận thức được rằng, những nguyên tắc Nho giáo sẽ phục vụ đắc lực cho việc hướng tới mục tiêu xây dựng một Đàng Trong độc lập, từng bước biến nhà thành nước. Bởi trong hoàn cảnh phức tạp, ít có sự lựa chọn, các chúa Nguyễn cũng phải tìm cách li khai Đàng Ngoài để có thể xưng vương. Thuyết “vô vi”, “xuất thế” của Đạo giáo không thể làm hài lòng được những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong. Trước cuộc khủng hoảng về chính trị, kinh tế – xã hội phía Bắc sông Gianh giai đoạn này, Đạo giáo cũng như Phật giáo chỉ góp phần xoa dịu mâu thuẫn, an ủi tinh thần người Đàng Trong. Hơn nữa, trên vùng đất phía Nam Linh Giang, Phật giáo Nguyên thủy vốn được truyền bá và ảnh hưởng sâu rộng trong dân chúng, nhưng giai đoạn thế kỷ XVI - XVIII, Champa và Chân Lạp đã đi vào bước đường suy vong. Tình trạng phân liệt mạnh mẽ chứng tỏ bộ đỡ tư tưởng của nó là Phật giáo Nguyên thủy cũng như Ấn Độ giáo đã bất lực trước yêu cầu của lịch sử. Trong khi đó, Nho giáo với quan niệm Hoàng đế – Thiên tử là người chịu mệnh Trời, nghĩa là người được chọn để “thay Trời hành đạo”. Việc quan trọng của Vua là thờ Trời, núi sông (tế Giao). Việc quan trọng của dân thường là thờ cha mẹ, tổ tiên (tế Tổ). “Thiên nhân hợp ứng”, các chúa Nguyễn sẽ “thế Thiên hành hóa”. Dựa vào Nho giáo, người đứng đầu phủ Chúa để dàn giải quyết được xung đột giữa các tôn giáo tín ngưỡng của người Champa cũng như Chân Lạp. Hành động “thiên hóa” bản thân sẽ tạo ra sự đồng lòng, quy thuận chúa Nguyễn là điều kiện tiên quyết cho việc xây dựng và phát triển chế độ quân chủ trung ương tập quyền ở Đàng Trong theo hướng đức trị.

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn còn chủ trương lấy Nho giáo để tạo dựng và phát triển nền văn hóa Đàng Trong. Với chính sách hỗn dung Tam giáo hòa quyện trong văn hóa tín ngưỡng dân gian, những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong nuôi khát vọng xây dựng một nền văn hóa Đàng Trong đa dạng. Hơn hai thế kỉ các chúa Nguyễn cố gắng lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng “chính thống” trong việc xây dựng thiết chế nhà nước quan liêu hóa nhưng không chủ trương độc tôn Nho giáo trong việc tạo dựng nền tảng tinh thần xã hội thiên về đạo đức. Viên dung Tam giáo được chính quyền Đàng Trong nỗ lực xây dựng và duy trì nhằm mục tiêu “*đề tỵ khí thiêng, cho bền long mạch*”²⁰. Chính điều này đã tạo nên tính “mở” cao của nền văn hóa Đàng Trong với những nét bản sắc riêng.

4. Kết luận

Nho giáo đã sớm du nhập vào Việt Nam và từng được những người cầm quyền thời quân chủ lấy làm hệ tư tưởng “chính thống”. Không ai có thể phủ nhận Nho giáo trong suốt quá trình du nhập và phát triển đã một thành tố quan trọng tạo dựng diện mạo văn hóa tinh thần của dân tộc. Từ năm 1558, họ Nguyễn vào phương Nam bắt đầu thực hiện khát vọng cát cứ tách khỏi chế độ vua Lê – chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Trên con đường mưu bá đồ vương, những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong sớm coi trọng Nho giáo. Chính quyền Đàng Trong đã tiếp cận Nho giáo trên phương diện một học thuyết tư tưởng về chính trị – xã hội và đạo đức. Thực tế hơn hai thế kỉ làm chủ Đàng Trong, họ Nguyễn đã chủ trương phát triển Nho giáo, khai thác ưu điểm lớn nhất của học thuyết này ở các nội dung tu dưỡng đạo đức cá nhân làm công cụ xây dựng thiết chế chính trị – xã hội thiên về đức trị theo Luân, Thường, đạo lí. Đồng thời, trung thành tuân theo tư tưởng “úy thiên sự đại”, “phụng Thiên thừa vận” tìm cách “thiên hóa” bản thân, các chúa Nguyễn thể hiện quan điểm nhận thức của mình về đạo Nho trên khía cạnh tôn giáo. Tinh thần viên dung Tam giáo có thể làm nền tảng tư tưởng tạo dựng được mô hình kiến quốc theo cấu trúc “đất Vua – chùa

Làng – phong cảnh Bụt”, góp phần quan trọng trong việc phát triển văn hóa Đàng Trong. Với cách quan điểm và cách tiếp cận cũng như chủ trương đó, có thể thấy các chúa Nguyễn đã hiểu rõ bản chất của Nho giáo. Đây là cơ sở quan trọng để những người đứng đầu Đàng Trong tiếp thu và phát huy vai trò của Nho giáo trong việc trị quốc, an dân./.

Chú thích:

1. Viện Triết học, *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1994, tr108
2. Quang Đạm (chủ biên), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội: 1994, tr291
3. http://vi.wikibooks.org/wiki/Luân_Ngũ
4. http://vi.wikibooks.org/wiki/Luân_Ngũ
5. http://vi.wikibooks.org/wiki/Luân_Ngũ
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1995, tr15
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 2007, tr40
8. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Nxb Viện Đại học Huế: 1963, tr53
9. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Nxb Viện Đại học Huế: 1963, tr10
10. Vũ Khiêu (chủ biên), *Nho giáo Xưa và Nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1997, tr61
11. Quang Đạm (chủ biên), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội: 1994, tr295
12. Quang Đạm (chủ biên), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội: 1994, tr78
13. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Nxb Viện Đại học Huế: 1963, tr260
14. Pierre Poivre, *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Description de la Cochinchine (1749 - 1750)*, (Cuộc hành trình của Pierre Poivre đến xứ Đàng Trong. Mô tả xứ Đàng Trong (1749 - 1750), bản định của Huỳnh Thị Anh Vân, “*Huế Xứ&Nay*” số 87 (2008), tr72
15. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1995, tr76
16. Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, Phụ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1977, tr264
17. Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, Phụ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1977, tr268
18. Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, Phụ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1977, tr27
19. Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp điển chí*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội: 2003, tr398
20. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1995, tr35